

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2022/HS-PT  
Ngày: 26/5/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Vĩnh Yên

*Các thẩm phán:* Ông Vũ Hồng Luyến

Ông Phạm Thành Dương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Ngọc Đức - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.P

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Mỹ Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 125/2022/TLPT-HS ngày 16 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Hữu P. Do có kháng cáo của bị cáo P đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 214/2021/HSST ngày 28/12/2021 của tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 170/2022/QĐXXPT-HS ngày 12 tháng 5 năm 2022.

**- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Hữu P**, sinh năm 1973 tại Bắc Ninh (có mặt).

Nơi đăng ký thường trú: Khu phố Q, thị trấn D, huyện H, tỉnh Lâm Đồng.

Nơi sinh sống hiện nay: Ấp 8, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 08/12. Nghề nghiệp: Buôn bán.

Họ và tên cha: Nguyễn Hữu D (đã chết).

Họ và tên mẹ: Trương Thị Đ, sinh năm 1935.

Gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình. Từ năm 1994 đến năm 2006 sống chung như vợ chồng với Trần Thị L, sinh năm 1975, có 02 người con chung lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 1999. Từ năm 2009 đến nay sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị Q, sinh năm 1973, có 01 người con chung sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2003 bị Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm, phân trách nhiệm liên đới bồi thường cho Công ty xây lắp điện Thành phố Hồ Chí Minh do bị hại không có đơn yêu cầu thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D chưa thụ lý.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2020 đến ngày 04/11/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại ấp 8, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Ngoài ra còn có các bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng nghị, bị hại không có kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Hữu P và Nguyễn Văn H, sinh năm 1974, ngụ tại 549B/A2 khu phố N, phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai có mối quan hệ làm ăn, buôn bán nên P cho H mượn số tiền 47.000.000 đồng nhưng H không trả tiền. Khoảng 08 giờ ngày 29/10/2020, Nguyễn Hữu P và Nguyễn Công L hẹn gặp Nguyễn Cao C để P thuê C đi đòi tiền của H, P thỏa thuận nếu được tiền sẽ trả cho C một nửa số tiền nợ và được C đồng ý. P đưa số điện thoại của H cho C để gọi và giả vờ hẹn gặp H lúc 14 giờ ngày 29/10/2020 tại đường số 9, khu công nghiệp A để trao đổi về việc đặt suất ăn công nghiệp, H đồng ý. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, C gọi điện cho P đến phòng trọ tại ấp 7, xã A, huyện L để uống bia và P chở L đến phòng của C. Lúc này tại phòng trọ của C có Trần Văn D, Nguyễn A, Vi Văn H, Nguyễn Văn T, P tiếp tục nói là sẽ thuê những người này đi đòi tiền giúp, nếu đòi được sẽ trả một nửa số tiền.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, H gọi điện thoại cho C đến điểm hẹn để gặp mặt, C gọi điện thoại cho D, T, H đi cùng, rồi báo lại cho P biết, P nói khi nào giữ được H thì gọi P đến. Lúc này, H điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở C, D điều khiển xe mô tô biển số 53X5-9061 chở T chạy theo sau. Đến nơi cả nhóm nhìn thấy 01 xe ô tô màu trắng đang đậu bên đường (trong xe có H, K và tài xế). C đi đến nói chuyện với Nguyễn Kim K, sinh năm 1991 ngụ tại ấp Hàng Gòn, xã Lộc An, huyện L (lúc này C nghĩ đó là H) và yêu cầu K đến quán cà phê để thỏa thuận về hợp đồng nấu ăn cho công ty nhưng K không đồng ý, C chỉ vào Công ty ULHWA bên đường và nói là công ty của C. Thấy vậy K xuống xe đi đến cổng bảo vệ hỏi thông tin thì biết C nói dối, nghi ngờ xảy ra chuyện nên K ra hiệu cho xe ô tô đến chỗ thì bị C dùng tay phải ôm và giữ phần vai không cho K chạy. H nhìn thấy chạy đến phụ C giữ K. C kêu D và T chặn xe ô tô nhưng không kịp nên D và T quay lại. Lúc này, C gọi điện thoại báo cho P là đã giữ được H (thực chất là K), thì P yêu cầu đưa K về quán cà phê Ven Suối ở ấp 7, xã A rồi P đến. C yêu cầu K lên xe theo C nhưng K không đồng ý và muốn bỏ đi nên C nắm vai áo của K giữ lại, do lo sợ bị đánh nên K đồng ý để H chở C và K đi, còn D và T chạy phía sau đến quán cà phê Ven Suối.

Khi đến quán cà phê, C, H, T, D đi vào quán ngồi canh giữ, không cho K bỏ đi, lúc này H gọi điện thoại cho A đến để phụ giúp canh giữ K, một lúc sau A đến cùng tham gia giữ K. Khoảng 10 phút sau, P chở L đến, nhìn thấy K không phải là

H nhưng P biết K là người quen của H nên P tiếp tục yêu cầu K gọi H đến trả tiền và yêu cầu K đưa địa chỉ nhà của H thì K không đồng ý nên A đe dọa "nếu ông không gọi ông H đến tôi đánh ông bây giờ", P dọa sẽ giữ K lại đến tối, thả xuống hồ của quán và K phải trả tiền cho những người canh giữ 300.000 đồng/ngày, xong P bỏ đi về giao hàng, P không lấy tiền của K và cũng chưa đưa tiền cho những người canh giữ. Còn C, H, T, D, A vẫn ở lại canh giữ K. Đến 16 giờ cùng ngày, H gọi điện thoại trình báo công an xã A đến bắt quả tang C cùng đồng phạm (Bút lục số 99-102, 118-202, 135-137, 146-148, 161-163, 171-173).

Về vật chứng và xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen thu giữ của bị cáo P, 01 điện thoại di động hiệu Redmi 7, màu đen thu giữ của bị cáo D, 01 điện thoại di động màu đen có in dòng chữ Masstel thu giữ của bị cáo H, 01 điện thoại di động màu đen có in dòng chữ ITEL thu giữ của bị cáo A, 01 điện thoại di động hiệu Samsung C9 Pro, màu đồng thu giữ của bị cáo C đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 53X5-9061 thu giữ của bị cáo D và 01 xe mô tô biển kiểm soát 73K6-0405 thu giữ của bị cáo P do chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L xác minh, xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Kim K yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 19.000.000 đồng. Bị cáo P tự nguyện bồi thường 10.000.000 đồng, bị cáo C tự nguyện bồi thường 3.000.000 đồng, bị cáo A bồi thường 3.000.000 đồng.

Đối với Nguyễn Công L có hành vi liên quan đến vụ án nhưng hiện L không có mặt tại địa P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L chưa triệu tập làm việc được nên tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

*\* Tại bản án sơ thẩm số 214/2021/HSST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện L đã tuyên xử:*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu P, Nguyễn Cao C, Trần Văn D, Nguyễn Văn T, Vi Văn H phạm tội "*Bắt, giữ người trái pháp luật*".

Tuyên bố bị cáo Nguyễn A phạm tội "*Giữ người trái pháp luật*".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu P 01 (một) năm** tù về tội "*Bắt, giữ người trái pháp luật*". Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2020 đến 04/11/2020.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Nguyễn Cao C 01 (một) năm** tù về tội "*Bắt, giữ người trái pháp luật*". Thời hạn tù được tính từ ngày 28/12/2021 nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2020 đến 04/11/2020.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt bị cáo **Trần Văn D 10 (mười) tháng** tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”. Thời hạn tù được tính từ ngày 08/12/2021 nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2020 đến 04/11/2020.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 10 (mười) tháng** tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”. Thời hạn tù được tính từ ngày 28/12/2021 nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2020 đến 04/11/2020.

+ Xử phạt bị cáo **Vi Văn H 10 (mười) tháng** tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”. Thời hạn tù được tính từ ngày 08/12/2021 nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2020 đến 04/11/2020.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn A 09 (chín) tháng** tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*”. Thời hạn tù được tính từ ngày 28/12/2021 nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2020 đến 04/11/2020.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 bắt tạm giam các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn A ngay sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm để đảm bảo cho việc thi hành án.

5. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Redmi 7 màu đen, 01 điện thoại di động màu đen có in dòng chữ Masstel, 01 điện thoại di động màu đen có in dòng chữ Itel, 01 điện thoại di động hiệu Samsung C9 Pro màu đồng theo Quyết định chuyển vật chứng số 69/QĐ-VKSLT ngày 18/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và án phí.

- Ngày 10/01/2022 bị cáo Nguyễn Hữu P nộp đơn kháng cáo bản án số 214/2021/HS-ST ngày 28/12/2021 của tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai để xin giảm nhẹ hình phạt.

\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Về thời hạn kháng cáo: Kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đối chiếu lời khai của các bị cáo khác, lời khai của bị hại có đủ cơ sở để kết luận Nguyễn Hữu P đã thuê C và một số người khác đòi nợ ông H. Sau đó, nhóm C đã bắt K do tưởng nhầm K là H. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo mức hình phạt 01 năm tù về tội “*Bắt, giữ người trái*

pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền nhân thân của người khác, gây tâm lý hoang mang cho người dân. Bị cáo đã thuê các bị cáo khác để đòi nợ bất chấp quy định của pháp luật. Tuy nhiên khi lượng hình cấp sơ thẩm đã căn cứ những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định, xử phạt bị cáo 01 năm tù giam là phù hợp và đảm bảo được tính răn đe cho xã hội.

Bị cáo P có nhân thân xấu, trong vụ án này bị cáo có vai trò là chủ mưu nên theo quy định thì bị cáo không thuộc trường hợp hưởng án treo. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không cung cấp được tình tiết đặc biệt nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Nguyễn Hữu P nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo của Nguyễn Hữu P: Cho rằng cấp sơ thẩm xét xử bị cáo hình phạt 01 năm tù là nặng nên xin giảm nhẹ hình phạt.

Về hành vi phạm tội của bị cáo là do Nguyễn Văn H nợ tiền của bị cáo không trả nên bị cáo P thuê Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Vi Văn H, Nguyễn A, Trần Văn D đi đòi nợ, nếu đòi được thì P sẽ chia đôi số tiền cho cả nhóm. Sau đó C, H, T, D đi đến đường số 9, khu công nghiệp A để gặp H, lúc này H đi cùng với Nguyễn Kim K nên nhóm của C nhằm tưởng K là H nên bắt K về quán cà phê Ven Suối tại ấp 7, xã A, huyện L. Sau đó Nguyễn A đến và cùng tham gia canh giữ K để đợi P, khi bị cáo P đến biết cả nhóm bắt nhầm người nhưng vẫn yêu cầu K đưa địa chỉ nhà của H để bị cáo P đến đòi nợ, K không đồng ý. Cả nhóm bắt, giữ và uy hiếp, đe dọa K đến 16 giờ cùng ngày thì H gọi điện thoại trình báo Công an xã A đến bắt quả tang bị cáo P cùng đồng phạm.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Hữu P, Nguyễn Cao C, Trần Văn D, Nguyễn Văn T, Vi Văn H phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và Nguyễn A phạm tội “*Giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo P tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 157, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P 01 (một) năm tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền nhân thân của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa P, gây tâm lý hoang mang và ảnh hưởng xấu đến đời sống của nhân dân. Các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức được việc bắt giữ người là trái quy định của pháp luật nhưng vì lợi ích của việc P thuê đòi nợ để được chia số tiền mà bất chấp vi phạm pháp luật. Vì vậy, cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, để cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung đồng thời làm bài học cho những người khác về hành vi bắt, giữ người trái pháp luật.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nguyễn Hữu P là người thuê các bị cáo khác đi tìm H để đòi nợ và hứa sẽ trả một nửa số tiền khi đòi được. Khi các bị cáo khác bắt được K, P biết là bắt nhầm người nhưng vẫn yêu cầu các bị cáo khác giữ K lại để uy hiếp, đe dọa buộc H phải đến trả tiền mới cho K về. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo không lấy đó làm gương mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần phải có hình phạt thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng đối với bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo P, C, A tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Kim K số tiền 16.000.000đ. Các tình tiết giảm nhẹ trên đã được cấp sơ thẩm xem xét giảm nhẹ cho bị cáo và xử bị cáo 01 năm tù là thỏa đáng đúng quy định của pháp luật không nặng như bị cáo kháng cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp chứng cứ mới cho Tòa án mà chỉ cung cấp đơn của bị hại Nguyễn Kim K ghi ngày 20/5/2022 xin bãi nại và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P, tình tiết này đã được xem xét tại cấp sơ thẩm nên cấp phúc thẩm không xem xét lại. Xét thấy bị cáo là người chủ mưu, cầm đầu thuê người khác bắt giữ người trái pháp luật, cấp sơ thẩm đã xử bị cáo 01 năm tù là nhẹ so với các bị cáo khác. Về việc xin được hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao áp dụng Điều 65 Bộ Luật hình sự thì những trường hợp không cho hưởng án treo gồm: “Người chủ mưu, cầm đầu...” như vậy, trường hợp của bị cáo không được hưởng án treo. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí bị cáo P phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu P. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 214/2021/HS-ST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P **01** (một) tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2020 đến 04/11/2020.

Bị cáo Nguyễn Hữu P phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận;**

- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh ĐN
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện L;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Vĩnh Yên**

